

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 259/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Ông Phạm Công Định

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 282/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số A Đ, khu F, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

-**Bị đơn:** Anh **Vũ Ngọc B**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 2, thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Đài Loan-Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Ngọc B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/4/2010. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời điểm đó anh B lao động tại Đài Loan-Trung Quốc và chị cũng đi lao động ở nước ngoài. Do sinh sống,

lao động xa nên vợ chồng không thể chia sẻ được với nhau về mặt tình cảm, cuộc sống cũng như công việc dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Càng ngày mâu thuẫn càng căng thẳng, giữa chị và anh Ba k còn nói chuyện được với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc B.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 23/06/2012 và Vũ Thị Minh H, sinh ngày 02/4/2013. Cả hai con chung hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Ba p cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Vũ Thị C (mẹ đẻ của anh B) thể hiện:

Hiện nay anh B đang lao động ở Đài Loan – Trung Quốc, còn địa chỉ cụ thể thì bà không biết, anh B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho anh B biết, anh Ba k gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh B có quan điểm đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung, anh B cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung là Vũ Thị Thùy D và Vũ Thị Minh H. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị T và anh B kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị T và anh B do hoàn cảnh gia đình cả hai vợ chồng đều đi làm ăn xa nên thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau về cuộc sống cũng như công việc dẫn đến không hòa hợp. Nay chị T có đơn ly hôn anh B, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Con chung của chị T và anh B là Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 23/06/2012 và Vũ Thị Minh H, sinh ngày 02/4/2013 đều có nguyện vọng được ở với chị T.

Tại phiên tòa: Chị T vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh B vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và giấu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vũ Ngọc B; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 23/06/2012 và Vũ Thị Minh H, sinh ngày 02/4/2013. Chị Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Ba p cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Vũ Ngọc B. Theo chị T và bà Vũ Thị C (mẹ đẻ của anh B) trình bày thì hiện nay anh B đang ở Đài Loan-Trung Quốc, không có địa chỉ cụ thể. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị T đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Ngọc B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/4/2010. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời điểm đó anh B lao động tại Đài Loan-Trung Quốc và chị cũng đi lao động ở nước ngoài. Do sinh sống xa nhau nên vợ chồng không thể chia sẻ được với nhau về mặt tình cảm, cuộc sống cũng như công việc, dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Càng ngày mâu thuẫn càng căng thẳng, giữa chị và anh B không còn quan tâm đến nhau. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T, anh B có 02 con chung là Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 23/06/2012 và Vũ Thị Minh H, sinh ngày 02/4/2013. Cả hai con chung đều có nguyện vọng ở với chị T. Hiện anh B ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho con chung chưa thành niên, HĐXX giao cho do chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con chung. Nếu anh B có căn cứ cho rằng chị T không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh B xác định không có tài sản chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án

có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị T** ly hôn với anh **Vũ Ngọc B**.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 23/06/2012 và Vũ Thị Minh H, sinh ngày 02/4/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Vũ Ngọc B cấp dưỡng cho con.

Anh Vũ Ngọc B thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000748 ngày 28/5/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tân